

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-10-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học.

Ông Nguyễn Quốc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh B, sinh năm 1966 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1961 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020 và biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn bà Trần Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông P tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1991, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Trong quá trình chung sống không hợp nhau, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên trong hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Thời gian sống ly thân ông, bà cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên bà B yêu cầu ly hôn với ông P.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Có 02 người con chung tên Phạm Ngọc Như (nữ), sinh ngày 19/9/1991 và Phạm Phát Đạt (nữ), sinh ngày 15/8/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20 tháng 10 năm 2020 và biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20 tháng 10 năm 2020, bị đơn ông Phạm Thanh P trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà B quen biết và tìm hiểu nên đã tiến tới hôn nhân từ năm 1991, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì cuộc sống chúng tôi không hợp nhau do bất đồng quan điểm nên vợ chồng tự thỏa thuận sống ly thân cho đến nay.

Do đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà B yêu cầu ly hôn thì ông P đồng ý ly hôn với bà B.

- Về con chung, cấp dưỡng: Có 02 người con chung tên Phạm Ngọc Như (nữ), sinh ngày 19/9/1991 và Phạm Phát Đạt (nữ), sinh ngày 15/8/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B và ông P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông P là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông P chung sống với nhau từ năm 1991 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng tự nguyện sống ly thân cho đến nay. Cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B. Nhưng không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai đương sự vì đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Bà B và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của đương sự.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thanh B và ông Phạm Thanh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B phải chịu 300.000 đồng, bà B đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007368 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh